

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 05 tháng 12 năm 2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Đỗ Thị Lệ Ngày tháng năm sinh: 24/01/1979
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường mầm non Thụy Hương
- Nơi thường trú: Thôn 5, Xã Nghi Dương, TP Hải Phòng.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 031179016942 ngày cấp: 31/08/2021 nơi cấp: Công an Hải Phòng.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nguyễn Sỹ Hải. Ngày tháng năm sinh: 15/10/1977
- Nghề nghiệp: Tự do.
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Xã Nghi Dương, TP Hải Phòng .
- Nơi thường trú: Thôn 5, Xã Nghi Dương, TP Hải Phòng .
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 03107700069 ngày cấp: 28/6/2021. Nơi cấp: Công an Hải Phòng.

3. Con chưa thành niên (con đẻ)

3.1. Con thứ nhất:

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: Nguyễn Phương Linh. Ngày tháng năm sinh: 17/05/2008
- Nơi thường trú: Thôn 5, Xã Nghi Dương, TP Hải Phòng.
- Số căn cước công dân: 031308008134 ngày cấp: 16/8/2022. Nơi cấp: Công an Hải Phòng.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Thôn 5, Xã Nghi Dương, TP Hải Phòng.
- Diện tích⁽⁹⁾: 150m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không xác định giá trị do không mua bán chuyển nhượng.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: CH885. 275 Nguyễn Sỹ Hải+ Đỗ thị Lệ
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thửa thứ 2: Không

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thửa thứ nhất: Không

- Loại đất:..... Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất: Tự xây

- Địa chỉ: Thôn 5, Xã Nghi Dương, TP Hải Phòng.

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 130m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không xác định giá trị do không mua bán chuyển nhượng.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: CH885. 275 Nguyễn Sĩ Hải + ĐỖ Thị Lệ.

- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Không

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: Không

2.2.1. Công trình thứ nhất: Không

- Tên công trình: Địa chỉ:

- Loại công trình:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾ :

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Không

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: Không

- Loại rừng: Diện tích: Giá trị: ⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng: Diện tích: Giá trị: ⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không có

- Tên gọi: Số lượng: Giá trị:

- Tên gọi: Số lượng: Giá trị:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: Không

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: Không

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không

6.1. Cổ phiếu: Không

- Tên cổ phiếu: Số lượng: Giá trị:

- Tên cổ phiếu: Số lượng: Giá trị:

6.2. Trái phiếu: Không

- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:

- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: Không

- Hình thức góp vốn: Giá trị:

- Hình thức góp vốn: Giá trị:

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: Không

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản: Xe gắn máy Số đăng ký: 15F1- 266.83. Giá trị: xe đi đã cũ không xác định giá trị do không mua bán.

- Tên tài sản: Số đăng ký: Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: Không

- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:

- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 401.200.000

- Tổng thu nhập của người kê khai: 329.200.000

- Tổng thu nhập của chồng: 72.000.000.

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không

- Tổng các khoản thu nhập chung: Không

II. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất	- Không có biến động		
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác	- Không có biến động		
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở	- Không có biến động		
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất	- Không có biến động		
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất	- Không có biến động		
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			

<p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.</p>	<p>biến động</p> <p>- Không có biến động</p> <p>- Không có biến động</p> <p>- Không có biến động</p> <p>- Không có biến động</p>	<p>+ 401.2 Triệu</p>	<p>Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp theo lương. Thu nhập tăng thêm trong năm 2024</p>
---	--	----------------------	---

Kiến Thụy, ngày 15 tháng 12 năm 2025.

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

Kiến Thụy, ngày 05 tháng 12 năm 2025.

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN